

Số: / TB -TTYT

Móng Cái, ngày tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân tỉnh Quảng ninh về việc quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào Công văn số 417/STC- CLG & CS ngày 23/01/2025 của Sở tài chính Quảng ninh Về việc thanh lý máy móc, thiết bị của Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ , quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 444 / QĐ -TTYT ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản cố định, công cụ dụng cụ hỏng không sử dụng được đề nghị thanh lý năm 2024 của Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái;

Trung tâm y tế thành phố Móng Cái thông báo lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thanh lý như sau:

1. Đơn vị có tài sản đấu giá: Trung tâm y tế thành phố Móng Cái; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin về tài sản đấu giá: Tài sản cố định (Máy móc, trang thiết bị) , công cụ dụng cụ đã qua sử dụng cũ hỏng.

Giá khởi điểm: 27.384.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn./.)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm 2 tiêu chí: Tiêu chí bắt buộc và các nhóm tiêu chí để chấm điểm:

a) Tiêu chí bắt buộc:

- Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố - Đủ điều kiện

- Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố - Không đủ điều kiện.

b) Tiêu chí chấm điểm:

Theo Phụ lục kèm theo thông báo này. Một số tiêu chí trong phụ lục cách thức đánh giá, chấm điểm như sau:

*** Đối với tiêu chí có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử) trụ sở có đủ diện tích làm việc:** Điểm tối đa 5 điểm, cách thức đánh giá, chấm điểm như sau:

- *Tiêu chí có trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử ...):* Tổ chức hành nghề đấu giá cung cấp đầy đủ thông tin theo tiêu chí này, tài liệu chứng minh đã hoạt động ổn định tại địa chỉ trụ sở này tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn từ 30 tháng trở lên được chấm 2 điểm; các trường hợp còn lại được chấm 1 điểm.

- *Tiêu chí Trụ sở có đủ diện tích làm việc bao gồm:*

+ Diện tích sử dụng chung (Diện tích nơi bán và tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá, Diện tích phòng đấu giá, Diện tích phòng làm việc chung): Mỗi phòng có tối thiểu 20 m²

+ Diện tích chuyên dùng (kho lưu trữ hồ sơ ...): Tối thiểu 15 m²

+ Diện tích làm việc cho các chức danh (đấu giá viên...): Tối thiểu 7m²/đấu giá viên.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp hình ảnh, tài liệu chứng minh và trình bày đầy đủ nội dung này được chấm 3 điểm, các trường hợp khác được chấm 1 điểm.

*** Đối với tiêu chí Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận lợi:** Điểm tối đa 5 điểm, cách chấm như sau: Địa chỉ trụ sở ở mặt phố hoặc trong các khu đô thị được chấm 5 điểm; Các trường hợp khác được chấm 2 điểm.

*** Đối với tiêu chí Phương án đấu giá khả thi hiệu quả** nêu tại Mục III Phụ lục kèm theo, tổ chức hành nghề đấu giá phải nêu đầy đủ theo yêu cầu dưới đây và số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

+ Trình bày đầy đủ nội dung phương án đấu giá; Số điểm được tính tối đa 06 điểm.

+ Chứng minh tính khả thi, hiệu quả của phương án đã trình bày bằng thực tiễn đã thực hiện thành công trong năm trước liền kề và đề xuất phương án đấu giá, khả thi hiệu quả phù hợp với tài sản đấu giá của Đơn vị có tài sản đấu giá. Số điểm được tính tối đa 10 điểm.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 03 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ khi đăng thông báo.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm y tế thành phố Móng Cái; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Lưu ý:

- Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện, Grap, Xe ôm.... Người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và căn cước công dân để đối chiếu.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Công TT điện tử của TTYTTPMC
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Thủy

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTYT ngày tháng 06 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0

1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0

3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u>	4,0

	ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá tối thiểu 50 hợp đồng và trong đó có:	3,0

	- Tối thiểu 02 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 500% trở lên. - Tối thiểu 05 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 300% đến dưới 500%. - Tối thiểu 05 cuộc đấu giá có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 150% đến dưới 300%. <i>Lưu ý:</i> - Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các thành phần tiêu chí này mới đạt 3,0 điểm, nếu thiếu một trong các thành phần tiêu chí này sẽ không tính điểm. - Tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	Tiêu chí khác (<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đầy đủ các thành phần tiêu chí này mới đạt 3 điểm, nếu thiếu 1 trong các thành phần tiêu chí này sẽ không tính điểm</i>) - Công bố đầy đủ nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản. - Thông báo về việc thay đổi hoạt động (nếu có) cho cơ quan quản lý biết trong thời hạn quy định (theo quy định tại Điều 36 Luật Quản lý thuế 2019) - Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá tài sản thành công (tối thiểu 50 hợp đồng) cho các tổ chức/cơ sở giáo dục công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế. (có bảng kê chi tiết kèm theo)	3,0
Tổng số điểm		100

GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Thủy

PHỤC LỤC
DANH MỤC CHI TIẾT CÁC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH , CÔNG CỤ DỤNG CỤ
THANH LÝ THEO HÌNH THỨC ĐẤU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTYT ngày tháng 06 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái)

STT	Danh mục tài sản cố định, CCDC đấu giá	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phần 1. MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG				77		
I	Máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động trong lĩnh vực Y tế			63		
1	Máy siêu âm màu Nhãn hiệu:Siemens Model: ACUSON X500 Serial: LAZ1286 Nước sản xuất: Nhật Bản	2008	Chiếc	1	302.800	302.800
2	Ghế răng Nhãn hiệu: SIRONA Model: D3416 Serial: 30983 Nước sản xuất: CHLB Đức	2013	Chiếc	1	513.800	513.800
3	Đèn mổ treo trần Nhãn hiệu: Rimsa Model: D600 Serial: 7292 Nước sản xuất: Italia	2003	Chiếc	1	800.000	800.000
4	Đèn mổ treo trần Nhãn hiệu: Rimsa Model: D600 Serial:11672 Nước sản xuất: Italia	2009	Chiếc	1	178.500	178.500
5	Hệ thống lọc nước RO Nhãn hiệu: GE Water&Process Technologies Model: E4-2200DLX Serial: 11-1234812-01 Nước sản xuất: CHLB Đức	2010	Hệ thống	1	1.367.50 0	1.367.500
6	Máy lọc thận nhân tạo Nhãn hiệu: Bbraun Model: Dialog+ Serial:46948 Nước sản xuất:CHLB Đức	2010	Chiếc	1	378.100	378.100
7	Máy lọc thận nhân tạo Nhãn hiệu: Bbraun Model: Dialog+ Serial:47009 Nước sản xuất:CHLB Đức	2010	Chiếc	1	378.100	378.100

8	Máy thở Nhãn hiệu: NEW-PORT Model: E150E Serial: 0603BF186 Nước sản xuất:Nhật Bản	2006	Chiếc	1	80.100	80.100
9	Máy soi cổ tử cung Nhãn hiệu: ProMis Medical Model: COLpro777-FullHD Serial: DVC-023-1014 Nước sản xuất: Australia	2014	Chiếc	1	112.000	112.000
10	Máy in phim khô Nhãn hiệu: AGFA Model:5365/100 Serial: 6482 Nước sản xuất:CHLB Đức	2009	Chiếc	1	415.800	415.800
11	Ghế răng đơn giản Nhãn hiệu:Foshan Hirol Model: HY-2288-803 Serial: 3STY0245 Nước sản xuất:Trung Quốc	2014	Chiếc	1	513.800	513.800
12	Ghế răng đơn giản Nhãn hiệu:Foshan Hirol Model: HY-2288-803 Serial: 3STY0236 Nước sản xuất:Trung Quốc	2013	Bộ	1	513.800	513.800
13	Ghế răng đơn giản Nhãn hiệu:Foshan Hirol Model: HY-2288-803 Serial: 3STY0244 Nước sản xuất:Trung Quốc	2014	Chiếc	1	513.800	513.800
14	Ghế răng đơn giản Nhãn hiệu:Foshan Hirol Model: HY-2288-803 Serial:3STY0246 Nước sản xuất:Trung Quốc	2014	Bộ	1	513.800	513.800
15	Đèn chiếu vàng da Nhãn hiệu: Bistos Model: BT-400 Serial: CAAC90033 Nước sản xuất:Hàn Quốc	2012	Chiếc	1	52.600	52.600
16	Máy chiếu thử thị lực Nhãn hiệu: Medop Model: Medop Serial: NH-500LED Nước sản xuất:Trung Quốc	2014	Chiếc	1	3.200	3.200

17	Máy hút dịch chạy điện Nhãn hiệu: Thomas Model: 1632 Serial: 061300002728 Nước sản xuất: Mỹ	2014	Chiếc	1	15.600	15.600
18	Máy hút dịch 1 bình Nhãn hiệu: Thomas Model: 1632 Serial: 111000002134 Nước sản xuất: Mỹ	2014	Bộ	1	15.600	15.600
19	Máy hút dịch 1 bình Nhãn hiệu: Thomas Model: 1632 Serial: 021500002292 Nước sản xuất: Mỹ	2015	Bộ	1	15.600	15.600
20	Máy hút điện Nhãn hiệu: 1616 Model: 1616 Serial: 12140001006 Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2014	Chiếc	1	15.600	15.600
21	Máy hút điện Nhãn hiệu: 1616 Model: 1616 Serial: 1214001025 Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Hệ thống	1	15.600	15.600
22	Máy hút điện Nhãn hiệu: VORTECOAS-100 Model: VORTECOAS-100 Serial: 5811-07103 Nước sản xuất:	2015	Chiếc	1	15.600	15.600
23	Máy hút điện Nhãn hiệu: 1616 Model: 1616 Serial: 12140000988 Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Hệ thống	1	15.600	15.600
24	Máy hút dịch chạy điện Nhãn hiệu: VORTECO AS-100 Model: 7E-A Serial: 00069 Nước sản xuất: Italia	2008	Hệ thống	1	15.600	15.600
25	Máy siêu âm chẩn đoán xách tay Nhãn hiệu: UF-450AX Model: UF-450AX Serial: 50200304 Nước sản xuất: Nhật Bản	2014	Chiếc	1	31.900	31.900

26	Máy xét nghiệm nước tiểu Nhãn hiệu: UA-66 Model:UA-66 Serial: WC-3B100145T Nước sản xuất: Trung Quốc	2013	Chiếc	1	27.300	27.300
27	Máy xét nghiệm nước tiểu Nhãn hiệu: Clinitek Status Model:Clinitek Status Serial: 251180 Nước sản xuất:Anh	2014	Chiếc	1	16.400	16.400
28	Máy xét nghiệm nước tiểu Nhãn hiệu: Clinitek Status Model:Clinitek Status Serial: 250982 Nước sản xuất:Anh	2014	Chiếc	1	16.400	16.400
29	Máy xét nghiệm nước tiểu Nhãn hiệu: Clinitek Status Model:Clinitek Status Serial: 250947 Nước sản xuất:Anh	2015	Chiếc	1	16.400	16.400
30	Máy xét nghiệm nước tiểu Nhãn hiệu: Clinitek Status Model:Clinitek Status Serial: 250983 Nước sản xuất:Anh	2015	Hệ thống	1	16.400	16.400
31	Máy truyền dịch Nhãn hiệu: Terumo Corporation Model: TE 112 Serial: 7070062 Nước sản xuất: Nhật Bản	2007	Chiếc	1	16.400	16.400
32	Máy truyền dịch Nhãn hiệu: Terumo Corporation Model: TE 112 Serial: 1004000259 Nước sản xuất: Nhật Bản	2010	Chiếc	1	16.400	16.400
33	Máy khí dung siêu âm Nhãn hiệu: Shin-Ei Industries Model:COMFORT 2000KU 400 Serial: 0501104 Nước sản xuất:Nhật Bản	2006	Chiếc	1	15.900	15.900
34	Máy đóng gói thuốc Nhãn hiệu: KYUNGSEO Model: MH 205L Serial:10001429 Nước sản xuất: Hàn Quốc	2012	Chiếc	1	623.400	623.400

35	Máy mài kính tự động Nhãn hiệu: Medop Model: LE 420 Serial: CPOLE-0420A013 Nước sản xuất: Trung Quốc	2014	Chiếc	1	279.000	279.000
36	Máy ly tâm Nhãn hiệu: CN-820 Model: CN-820 Serial: 103499 Nước sản xuất: Đài Loan	2015	Bộ	1	37.800	37.800
37	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J730119KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
38	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J730054KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Bộ	1	86.600	86.600
39	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J730005KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Bộ	1	86.600	86.600
40	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J729885KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Bộ	1	86.600	86.600
41	Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J730134KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Bộ	1	86.600	86.600
42	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J729999KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
43	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J729994KN Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
44	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model: 525KS Serial: J730004KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Bộ	1	86.600	86.600

45	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model:525KS Serial:J730112KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
46	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model:525KS Serial: J730119KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
47	Máy tạo Ôxy di động Nhãn hiệu: Model:525KS Serial: J729895KS Nước sản xuất: Vơ-gin (thuộc mỹ)	2015	Chiếc	1	86.600	86.600
48	Máy rửa tự động đa kết hợp siêu âm Nhãn hiệu: MCTECH/PETECH Model:AMC-11 Serial:1293R/PE Nước sản xuất: Việt Nam	2011	Chiếc	1	562.600	562.600
49	Máy tiệt trùng ozone plasma Nhãn hiệu: MCTECH/PETECH Model:ASP -11 Serial: 1293P/PE Nước sản xuất: Việt Nam	2011	Chiếc	1	562.600	562.600
50	Máy tự động sấy khô nhiệt độ thấp Nhãn hiệu: MCTECH/PETECH Model:AMD-11 Serial: 1293S/PE Nước sản xuất: Việt Nam	2011	Chiếc	1	562.600	562.600
51	Nồi hấp tiệt trùng Nhãn hiệu: Sturdy Industrial Model:SA-450 Serial: 450-351620393 Nước sản xuất: Mỹ	2004	Chiếc	1	485.300	485.300
52	Xe ngâm đồ vải Nhãn hiệu: HAIHA COP Model:XNDV Serial: 02 Nước sản xuất: Việt Nam	2012	Chiếc	1	65.400	65.400
53	Tủ sấy điện Nhãn hiệu: UN55 Model: UN55 Serial: B2143644 Nước sản xuất: Đức	2015	Bộ	1	273.700	273.700

54	Tủ sấy điện Nhãn hiệu: UN55 Model: UN55 Serial: B2143690 Nước sản xuất: Đức	2015	Bộ	1	273.700	273.700
55	Tủ sấy điện Nhãn hiệu: UN55 Model: UN55 Serial: B2143713 Nước sản xuất: Đức	2015	Chiếc	1	273.700	273.700
56	Máy đo cường độ ánh sáng Nhãn hiệu: Extech Model: EA 30 Serial:131204319 Nước sản xuất: Đài Loan	2014	Chiếc	1	600	600
57	Máy đo độ ồn Nhãn hiệu: AOC Model: 6230 Serial:141104 Nước sản xuất: Nhật Bản	2014	Chiếc	1	600	600
58	Máy đo lực bóp tay hiện số Nhãn hiệu: Shanghai Model: EH 101 Serial: C13090429202 Nước sản xuất: Trung Quốc	2014	Chiếc	1	600	600
59	Máy đo nhiệt độ và độ ẩm môi trường Nhãn hiệu: Extech Model: RHT 20 Serial:130900698 Nước sản xuất: Trung Quốc	2014	Chiếc	1	600	600
60	Máy đo tốc độ gió Nhãn hiệu: Extech Model: 407123 Serial: Q849666 Nước sản xuất: Đài Loan	2014	Chiếc	1	600	600
61	Máy đo ứng suất nhiệt Nhãn hiệu: Extech Model: HT30 Serial: 9613894 Nước sản xuất: Trung Quốc	2014	Chiếc	1	600	600
62	Máy lấy mẫu bụi khí kiểu xách tay Nhãn hiệu: Sibata Model: LV-20P Serial: 460130 Nước sản xuất: Nhật Bản	2014	Chiếc	1	600	600

63	Máy phát hiện khí độc Nhãn hiệu: Isnutrial Model: MX6 Serial:14050YT-004 Nước sản xuất: Mỹ	2014	Chiếc	1	600	600
II	Máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động thường xuyên khác			14		
1	Hệ thống xếp hàng tự động Nhãn hiệu:VIETNAM Model:XHTD Serial:XH2013 Nước sản xuất: Việt Nam	2013	Bộ	1	328.300	328.300
2	Lưu điện 6KVA Nhãn hiệu: PK POWER Model: H6K Serial:AGH120312002 Nước sản xuất: Việt Nam	2016	Chiếc	1	281.500	281.500
3	Ổn áp Lioa 60000W Nhãn hiệu: LIOA Model: SH3-60KVA Serial: 1604150051 Nước sản xuất: Việt Nam	2016	Hệ thống	1	1.197.300	1.197.300
4	Máy tính xách tay Nhãn hiệu: AUS Model: A411UA Serial:J7NOGR03B9882941 Nước sản xuất: Trung Quốc	2018	Chiếc	1	15.900	15.900
5	Máy tính xách tay Nhãn hiệu: AUS Model: A411UA Serial: J7NOGR03B915297 Nước sản xuất: Trung Quốc	2018	Chiếc	1	15.900	15.900
6	Máy tính xách tay Nhãn hiệu: AUS Model: A411UA Serial: J7NOGR03B99829A Nước sản xuất: Trung Quốc	2018	Chiếc	1	15.900	15.900
7	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: FPT Model: T2100i Serial: 910120037 Nước sản xuất: Việt Nam	2012	Bộ	1	44.700	44.700

8	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: FPT Model: T2100i Serial: 910120051 Nước sản xuất: Việt Nam	2012	Bộ	1	44.700	44.700
9	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: FPT Model: S879i Serial: 1811130008 Nước sản xuất: Việt Nam	2013	Bộ	1	44.700	44.700
10	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: SingPC Model: SingPC Serial: 25547 Nước sản xuất: Việt Nam	2010	Bộ	1	44.700	44.700
11	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: FPT Model: TCM203 Serial: 2708140197 Nước sản xuất: Việt Nam	2014	Bộ	1	44.700	44.700
12	Máy vi tính để bàn Nhãn hiệu: FPT Model: 710TN Serial: 121017151 Nước sản xuất: Việt Nam	2014	Bộ	1	44.700	44.700
13	Máy Photocopy Nhãn hiệu: Sharp Model: AR - M5731 Serial: 45051017 Nước sản xuất: Trung Quốc	2014	Chiếc	1	293.700	293.700
14	Máy vi tính để bàn + lưu điện Nhãn hiệu: FPT Elead T710TN Model: AR265 Serial: 1210170559 Nước sản xuất: Việt Nam	2017	Bộ	1	133.700	133.700

Phần 2. CÔNG CỤ DỤNG CỤ VÀ CÁC THIẾT BỊ KHÁC

STT	Danh mục tài sản cố định, công cụ dụng cụ	Năm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Công cụ dụng cụ phục vụ chuyên môn			153		
1	Máy khuấy từ Model: JSHS-180	2014	Chiếc	1	15.900	15.900

	Sezial:131112-16					
2	Máy lắc máu tự động Model: KJ-201BY Sezial: KJ-201BY	2015	Chiếc	1	15.900	15.900
3	Máy hút nhót sơ sinh Model: 7E-A : Sezial: 00011	2013	Chiếc	1	20.900	20.900
4	Bàn mổ (bàn tiểu phẫu) Model: PK 01 Sezial:BMTPVTR	2015	Cái	1	149.400	149.400
5	Đèn sưởi	2016	Cái	4	1.200	4.800
6	Giường inox	2007	Cái	1	119.500	119.500
7	Xe đẩy thuốc Inox		Cái	1	18.000	18.000
8	Xe đẩy oxy		Cái	1	7.400	7.400
9	Đồng hồ bấm giây	2010	Cái	1	600	600
10	Cáng đẩy bệnh nhân inox có đệm	2011	Cái	1	32.800	32.800
11	Đèn gù	2015; 2016	Cái	5	1.200	6.000
12	Xe đẩy bệnh nhân	2016	Cái	3	103.800	311.400
13	Giường inox	2009	Cái	2	119.500	239.000
14	Giường inox	2010; 2011; 2014; 2015	Cái	5	119.500	597.500
15	Đèn tích điện	2016	Cái	2	600	1.200
16	Dụng cụ tiểu phẫu mắt	2006	Bộ	1	600	600
17	Xe lăn tay thép mạ ngoại nhập	2016	Cái	1	103.800	103.800
18	Xe đẩy Oxy Inox	2006	Cái	1	7.400	7.400
19	Bàn khám phụ khoa	2007	Cái	1	119.500	119.500
20	Bình làm âm	2011	Cái	7	9.100	63.700
21	Cân lòng máng sơ sinh	2014	Cái	1	29.900	29.900
22	Cân sức khỏe	2011	Cái	1	18.000	18.000
23	Cáng đẩy bệnh nhân	2015	Cái	1	29.900	29.900
24	Đèn đọc phim đôi	2009	Cái	1	1.200	1.200
25	Khay phát thuốc inox	2013	Cái	2	600	1.200
26	Xe lăn tay thép mạ ngoại nhập	2016	Cái	1	103.800	103.800
27	Xe tiêm Inox 2 tầng	2008	Cái	4	29.900	119.600
28	Xe tiêm Inox 2 tầng	2012	Cái	2	29.900	59.800
29	Xe đẩy ô xy	2006	Cái	1	7.400	7.400
30	Đèn đọc phim đôi		Cái	1	1.200	1.200
31	Đèn bàn khám bệnh	2015	Chiếc	3	600	1.800
32	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán (chống covid-19)	2019	Chiếc	2	700	1.400
33	Phích đựng vắc xin	2009	Chiếc	2	14.200	28.400
34	Máy khí dung Model: Mobilecami Seri: RE300700 Nước sx: Itali	2013	Chiếc	1	15.900	15.900

	Năm sx: 2013					
35	Huyết áp kế trẻ em	2015	Chiếc	1	600	600
36	Bình phun hóa chất	2020	Chiếc	3	64.800	194.400
37	Bàn tiêm inox đầy dụng cụ	2003	Chiếc	1	29.900	29.900
38	Giường bệnh nhân	2005; 2010	Chiếc	4	119.500	478.000
39	Khay đựng dụng cụ 30x40	2003	Chiếc	1	600	600
40	Khay quả đậu 825ml thép không gỉ	2013	Chiếc	1	600	600
41	Bầu nhỏ giọt	2013	Chiếc	2	100	200
42	Nhiệt kế thủy ngân (microlic)	2017	Chiếc	2	Không còn giá trị thu hồi	
43	Máy nghe tim thai cầm tay	2017	Chiếc	1	1.100	1.100
44	Cân sơ sinh	2003	Chiếc	1	29.900	29.900
45	kẹp cầm máu thẳng kelly	2015	Chiếc	2	300	600
46	Căng tay	2012	Chiếc	1	6.000	6.000
47	Huyết áp kế người lớn	2015	Chiếc	1	300	300
48	Phích đựng vắc xin	2009	Chiếc	1	14.200	14.200
49	Máy khí dung – SYT Model :NE-C900 Hãng sản xuất : Omrom Nhật Bản Nước sản xuất : Trung Quốc Năm SX: 2014	2015	Chiếc	1	17.400	17.400
50	Máy khí dung – SYT Model: 5058 Hãng : Cami ; Italy Nước SX: Italy Năm SX: 2013	2013	Chiếc	1	16.900	16.900
51	Máy ủ Model: RT=A19 Seri: 581701049IE Hãng: Rayto Nước sx: Trung Quốc Năm SX: 2014	2014	Chiếc	1	20.600	20.600
52	Bộ dụng cụ tiểu phẫu 24 chi tiết	2017	Chiếc	1	14.900	14.900
53	Máy hút nhót Model: AS-100; Serial : 5837-07/03; Hãng sx: Alsa; Nước sx: Italya; Năm sx: 2010	2010	Chiếc	1	17.400	17.400
54	Bàn tiểu phẫu	2008	Chiếc	1	119.500	119.500
55	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	2012	Chiếc	1	1.800	1.800
56	Huyết áp kế	2014	Chiếc	1	300	300
57	Kéo cong nhọn/nhọn 145mm	2012	Chiếc	1	300	300
58	Kéo cong tù 145mm	2012	Chiếc	3	300	900
59	Kéo thẳng nhọn/ tù 145mm	2012; 2013	Chiếc	2	300	600

60	Đèn bàn khám bệnh (đèn gù)	2015	Chiếc	1	600	600
61	Hộp hấp bông băng	2013	Chiếc	1	600	600
62	Bộ lấy cao răng bằng tay	2014	Chiếc	1	1.800	1.800
63	Kính lúp 2 mắt	2013	Chiếc	1	300	300
64	Huyết áp kế	2020	Chiếc	1	300	300
65	Bộ dụng cụ tiểu phẫu 24 chi tiết	2017	Chiếc	1	14.900	14.900
66	Cân trẻ em	2007	Chiếc	2	18.000	36.000
67	Hộp hấp bông băng nhỏ	2010	Chiếc	1	600	600
68	cán dao mổ	2015	Chiếc	1	Không còn giá trị thu hồi	
69	Bộ đỡ đẻ	2012	Chiếc	1	1.200	1.200
70	Kính lúp 2 mắt	2013	Chiếc	1	300	300
71	Nhiệt kế tròn	2013	Chiếc	1	300	300
72	Máy châm cứu - SYT Mod:elkwd808I Serri: yzb0861-2011 Năm SX 2013	2013	Chiếc	1	5.800	5.800
73	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	2012	Chiếc	1	14.900	14.900
74	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	2013	Chiếc	1	14.900	14.900
75	Cáng bạt	2012	Chiếc	1	6.800	6.800
76	Cốc đựng dung dịch 500ml có chia độ	2013	Chiếc	1	Không còn giá trị thu hồi	
77	Bát đựng dung dịch 600ml, thép không gỉ	2013	Chiếc	1	600	600
78	Máy đo đường huyết	2013	Chiếc	2	2.300	4.600
79	Bàn khám bệnh	2015	Chiếc	1	119.500	119.500
80	Bàn khám phụ khoa	2015	Chiếc	1	119.500	119.500
81	Huyết áp kế người lớn	2015	Cái	6	300	1.800
82	Bảng đo thị lực	2015	Chiếc	1	7.500	7.500
83	Nhiệt kế điện tử microlife	2019	Cái	3	1.800	5.400
84	Bàn đỡ đẻ + bọc lên xuống	2010	Chiếc	1	179.200	179.200
85	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	2009	Chiếc	1	800	800
86	Nhiệt âm kế	2017	Chiếc	1	300	300
87	Bóp bóng sơ sinh	2009	Chiếc	3	300	900
88	Máy đo huyết áp Alca2 (Người lớn)	2017	Chiếc	1	800	800
89	Kẹp gấp bông thẳng	2015	Chiếc	1	300	300
90	Kẹp khám tai gấp khúc mỏ kẹp khít	2015	Chiếc	1	300	300
91	Kẹp kim khâu thẳng mayo-Hegar	2015	Chiếc	1	300	300
92	Khay quả đậu inox	2015	Chiếc	3	600	1.800
93	Loa soi mũi trẻ em kiểu vienne	2015	Chiếc	2	600	1.200
94	Hộp inox đựng dụng cụ	2012	Chiếc	1	600	600
95	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán	2019	Chiếc	1	700	700
96	Cọc truyền	2011	Chiếc	2	2.900	5.800
97	Máy nghe tim thai	2017	Chiếc	1	1.100	1.100
II	Bàn			2		
2	Bàn làm việc inox	2009	Chiếc	1	179.200	179.200

4	Bàn inox dài	2006	Chiếc	1	239.100	239.100
III	Ghế			66		
1	Ghế Xuân Hòa	2003; 2006; 2009; 2012	Chiếc	42	2.100	88.200
2	Ghế đệm da xanh	2017	Cái	6	2.100	12.600
3	Ghế đệm da xanh	2015	Cái	3	2.100	6.300
4	Ghế đệm da xanh	2012	Cái	4	2.100	8.400
5	Ghế hoa nỉ	2006	Cái	2	Không còn giá trị thu hồi	
6	Ghế inox 3 chân xoay		Cái	1	9.700	9.700
7	Ghế Inox 4 chân không xoay	2014	Cái	3	12.800	38.400
8	Ghế inox 4 chân không xoay	2011	Cái	2	12.800	25.600
9	Ghế tựa da vàng	2021	Cái	3	Không còn giá trị thu hồi	
IV	Tủ các loại			9		
1	Tủ lạnh Hòa Phát Funiki Model:FR-125CI Sezial: 3052022100	2013	Chiếc	1	151.200	151.200
2	Tủ lạnh bảo quản rác Model:VH-225A Sezial: 99100900	2010	Chiếc	1	182.900	182.900
3	Tủ đầu giường Inox	2009	Cái	1	18.000	18.000
4	Tủ sơn tĩnh điện	2007	Cái	3	358.600	1.075.800
5	Tủ sơn tĩnh điện 4 ngăn	2006	Cái	1	358.600	358.600
6	Tủ sấy Galy Model: OT - 15 Nước sx: Việt Nam Năm sx: 2010	2012	Chiếc	1	40.600	40.600
7	Tủ đựng thuốc inox có ngăn độc AB	2013	Chiếc	1	11.400	11.400
V	Máy vi tính + Máy in			18		
1	Máy vi tính để bàn + lưu điện Model:A411UA Sezial:XM142806	2013	Bộ	1	133.700	133.700
2	Máy vi tính để bàn + lưu điện + máy in Model:HKC-MB18S1 Sezial: CBA8045260015	2010	Bộ	1	175.600	175.600
3	Máy vi tính để bàn + lưu điện + máy in Model: HKC-MB18S2 Sezial:05097211	2010	Bộ	1	175.600	175.600
4	Máy vi tính để bàn + lưu điện + máy in Model:N950S Sezial: XM142737	2010	Bộ	1	175.600	175.600

5	Máy vi tính để bàn + lưu Model:E1916HVF Sezial:F5L6YC2	2016	Bộ	1	175.600	175.600
6	Máy in Model: Canon LBP161	2018	Chiếc	4	47.300	189.200
7	Máy in canon 2900	2014	Cái	1	41.900	41.900
8	Máy in Brother	2012	Cái	2	41.900	83.800
9	Máy in Ricoh SP 325 DNW	2017	Cái	1	73.500	73.500
10	Máy in Canon MF221D	2014	Cái	1	60.400	60.400
11	Máy in canon		Cái	2	41.900	83.800
12	Máy in HP	2008	Cái	1	41.900	41.900
13	Máy in Canon LBP-Model:151DW	2016	Cái	1	52.600	52.600
VI	Ti vi			6		
1	Tivi LG 42 inch Model: 42LF550T-TA Sezial: 604VNZC09725	2016	Chiếc	2	49.500	99.000
2	Ti vi 32 inch Asanzo	2016	Cái	3	29.900	89.700
3	Ti vi ASANZO		Cái	1	29.900	29.900
VII	Điều hòa			14		
1	Điều hòa LG 12,000 2 chiều	2012	Cái	2	181.200	362.400
2	Điều hòa Naga	2009	Cái	4	181.200	724.800
3	Điều hòa LG	2009	Cái	8	181.200	1.449.600
VIII	Bình nóng lạnh + đun nước			10		
1	Bình nóng lạnh Pienza	2012	Cái	2	50.100	100.200
2	Bình nóng lạnh		Cái	4	50.100	200.400
3	Bình đun nước siêu tốc	2019	Chiếc	4	9.100	36.400
IX	Quạt			20		
1	Quạt treo tường	2008, 2009; 2010	Cái	4	23.000	92.000
2	Quạt trần	2007, 2008, 2009	Chiếc	10	38.100	381.000
3	Quạt cây	2009; 2011	Chiếc	4	28.900	115.600
4	Quạt cây	2012	Chiếc	2	28.900	57.800
X	Lioa			5		
1	Lioa 5000	2014	Cái	1	159.500	159.500
2	Lioa 1000		Cái	1	52.000	52.000
3	Lioa 2000	2007; 2010	Cái	3	73.600	220.800
XI	Âm ly + micro			2		
1	Âm ly+micro+loa (Bộ)	2015	Bộ	1	199.300	199.300
2	Model : RBO -10: RBO Hãng SX : Microlit Nước SX : Ấn Độ Năm SX : 2013	2014	Chiếc	1	300	300

XII	Máy Scan			3		
1	Máy quét mã vạch 2D Model: YJ HF600 Sezial:15149B221C	2016	Chiếc	1	300	300
2	Máy Scan	2014	Cái	1	16.100	16.100
3	Máy Scan Canon LiDE 220 - PYT Model: K 10403 Seri: KJKS44159 Hãng sản xuất: Canon Nước SX:: Việt Nam Năm SXt: 2018	2018	Chiếc	1	6.100	6.100
XIII	Máy dân dụng			4		
1	Máy khoan	2014	Cái	1	10.200	10.200
2	Máy hút ẩm	2014	Cái	1	76.000	76.000
3	Máy cắt cỏ	2019	Chiếc	1	31.300	31.300
4	Máy bơm nước	2015	Chiếc	1	87.300	87.300
XIV	Các công cụ dụng cụ văn phòng khác			33		
1	Điện thoại bàn	2010	Cái	4	300	1.200
2	Giá công khai viện phí	2012	Cái	4	500	2.000
1	Thùng rác Inox to	2011	Cái	2	2.900	5.800
3	Bình cứu hỏa	2011	Cái	7	31.300	219.100
4	Bình chữa cháy	2014	Chiếc	4	31.300	125.200
5	Máy tính văn phòng	2019	Chiếc	9	27.700	249.300
6	Máy tính văn phòng	2019	Chiếc	2	27.700	55.400
7	Kéo tỉa cây thuốc nam	2019	Chiếc	1	600	600
	Tổng cộng					27.383.500
	Làm tròn					27.384.000

(Bảng chữ: Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn./.)